

Số: 1258/NMĐSH1-TM

Cần Thơ, ngày 04 tháng 6 năm 2026

V/v Cung cấp báo giá dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên trung tu, đại tu xe cơ giới, xe chuyên dụng phục vụ vận hành của NMNĐ Sông Hậu 1

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/ Nhà máy Điện Sông Hậu 1 đang có nhu cầu triển khai lựa chọn đơn vị “Cung cấp báo giá dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên trung tu, đại tu xe cơ giới, xe chuyên dụng phục vụ vận hành của NMNĐ Sông Hậu 1”. Chi nhánh phát điện Dầu khí/ Nhà máy Điện Sông Hậu 1 kính đề nghị Quý Công ty quan tâm, cung cấp dịch vụ nêu trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: Như *phụ lục đính kèm*.
2. Tiến độ thực hiện: Chi tiết như *phụ lục đính kèm*.
3. Địa điểm thực hiện công việc: Nhà máy Điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Tp. Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 120 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 10h00 ngày 15/06/2026.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.
7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Thương Mại - NMNĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Tp. Cần Thơ.

Email: ducnm@pvpqb.vn; vannq@pvpqb.vn; haipdm@pvpqb.vn; longpx@pvpqb.vn; giangtth@pvpqb.vn; nhanbaogia.hn@pvpqb.vn

Chi nhánh phát điện Dầu khí/ Nhà máy Điện Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ Nhà máy (để b/c);
- Lưu VT, TM (N.M.Đ).

TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐĐK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lương Khánh Duy

PHỤ LỤC: PHẠM VI CÔNG VIỆC
(Đính kèm công văn Số: 1257/NMĐSHI-TM ngày 04/06/2026)

1. Phạm vi công việc

STT	Tên hàng hóa/ dịch vụ	Thông số kỹ thuật/ yêu cầu kỹ thuật	Model	Nhà sản xuất/ xuất xứ	Hình thức thực hiện	ĐVT	Khối lượng
1	Máy ủ 01- D6R2XL (87-XA-0366) (CÁT)						
1	Lọc nhiên liệu thô - tách nước	Đường kính ngoài 136 mm (5,35 inch) Kích thước chủ đề 1 1/4-12 LHQ Miếng đệm OD 109,5 mm (4,31 inch) ID miếng đệm 97,5 mm (3,84 inch) chiều cao 305 mm (12,01 inch) Chiều dài tổng thể 332 mm (13,07 inch) Hiệu quả Beta 75 3 micron Thu gọn Burst 20 thanh (290 psi) kiểu Dầu tách nước phong cách Spin-On Loại Phương tiệnCellulose	438-5386	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
2	Lọc nhiên liệu tinh	Model: CAT 1R-0762 mã P550625 Đường kính ngoài (Outer Diameter): 93.6 mm Kích thước sợi (Thread Size): 1-14 UN Chiều cao (Length): 265 mm Giống ngoài (Gasket OD): 91 mm Giống trong (Gasket ID): 77.5 mm	1R-0762	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
3	Lọc thùng dầu nhiên liệu	Part No: 350-7735 Caterpillar Đường kính ngoài: 108 mm Kích thước sợi: 1 1/8-16 UN Chiều dài: 262 mm Giống OD: 99 mm Giống ID: 90 mm Hiệu quả 99% 21 micron	350-7735	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
4	Lọc động cơ		1R-1808	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1

PHỤ LỤC

5	Lọc dầu hộp số	Outer Diameter: 65 mm (2.56 inch) Inner Diameter: 25.4 mm (1.00 inch) Length: 277.88 mm (10.94 inch)	571-5253	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
6	Lọc dầu thủy lực	Đường kính ngoài: 100.1 mm Đường kính trong: 41.9 mm Chiều dài: 231.7 mm Hiệu quả 2: 14 micron	465-6506	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
7	Lọc điều hòa	Chiều dài :317.5 mm (12.50 inch) Chiều rộng: 179.5 mm (7.07 inch) Chiều cao : 59 mm (2.32 inch) Hiệu quả: 99 Efficiency Test Std ISO 5011 Primary Application CATERPILLAR 2098217	106-5534	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
8	Lọc gió cabin	Length: 202 mm Width: 199 mm Height: 19 mm	396-7087	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
9	Lọc gió ngoài	Đường kính ngoài: 154.6 mm (6.09 inch) Đường kính trong: 88.3 mm (3.48 inch) Chiều cao: 381 mm (15.00 inch)	61-2501	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
10	Lọc gió trong	Đường kính ngoài: 234.1 mm Đường kính trong: 123 mm Chiều cao: 381 mm	61-2502	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
11	Nhớt động cơ (20 lít/xô)	Shell Helix HX5 Diesel 15W-40		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	20
12	Nhớt thủy lực (200 lít/phuy)	Cat Hydo Advanced 10		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	48
13	Nhớt hộp số	Cat TDTO SAE 30		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	148
14	Nhớt cầu xe	Cat TDTO SAE 30		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	10
15	Nhớt bộ truyền động	Cat TDTO SAE 30		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	13,5
16	Hệ thống nước làm mát				Kiểm tra -thay thế	Hệ thống	1
17	Hệ thống đường ống thủy lực				Kiểm tra -thay thế	Hệ thống	1
18	Hệ thống gầu xúc				Kiểm tra -thay thế	Bộ	1

19	Kiểm tra bảo dưỡng động cơ					Kiểm tra	Bộ	1
20	Kiểm tra bảo dưỡng hệ thống côn					Kiểm tra	Bộ	1
21	Vệ sinh bảo dưỡng toàn bộ hệ thống máy nóng lạnh , phục hồi lốc lạnh, nạp ga mới					Kiểm tra	Bộ	1
22	Phục hồi cân chỉnh bộ ly hợp					Kiểm tra	Bộ	1
23	Kiểm tra phục hồi hệ thống phanh					Kiểm tra	Bộ	1
24	Công tháo ráp làm hoàn chỉnh						lần	1
2	Máy ủi 02- D6R2XL (87-XA-0367) (CAT)							
1	Lọc nhiên liệu thô - tách nước	Đường kính ngoài 136 mm (5,35 inch) Kích thước chủ đề 1 1/4-12 LHQ Miếng đệm OD 109,5 mm (4,31 inch) ID miếng đệm 97,5 mm (3,84 inch) chiều cao 305 mm (12,01 inch) Chiều dài tổng thể 332 mm (13,07 inch) Hiệu quả Beta 75 3 micron Thu gọn Burst 20 thanh (290 psi) kiểu Dầu tách nước phong cách Spin-On Loại Phương tiệnCellulose	438-5386	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1	
2	Lọc nhiên liệu tinh	Model: CAT 1R-0762 mã P550625 Đường kính ngoài (Outer Diameter): 93.6 mm Kích thước sợi (Thread Size): 1-14 UN Chiều cao (Length): 265 mm Gioăng ngoài (Gasket OD): 91 mm Gioăng trong (Gasket ID): 77.5 mm	1R-0762	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1	
3	Lọc thùng dầu nhiên liệu	Part No: 350-7735 Caterpillar	350-7735	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1	
4	Lọc động cơ	Đường kính ngoài: 108 mm Kích thước sợi: 1 1/8-16 UN Chiều dài: 262 mm Gioăng OD: 99 mm Gioăng ID: 90 mm Hiệu quả 99% 21 micron	1R-1808	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1	

5	Lọc dầu hộp số	Outer Diameter: 65 mm (2.56 inch) Inner Diameter: 25.4 mm (1.00 inch) Length: 277.88 mm (10.94 inch)	571-5253	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
6	Lọc dầu thủy lực	Đường kính ngoài: 100.1 mm Đường kính trong: 41.9 mm Chiều dài: 231.7 mm Hiệu quả: 2: 14 micron	465-6506	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
7	Lọc điều hòa	Chiều dài :317.5 mm (12.50 inch) Chiều rộng: 179.5 mm (7.07 inch) Chiều cao : 59 mm (2.32 inch) Hiệu quả: 99 Efficiency Test Std ISO 5011 Primary Application CATERPILLAR 2098217	106-5534	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
8	Lọc gió cabin	Length: 202 mm Width: 199 mm Height: 19 mm	396-7087	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
9	Lọc gió ngoài	Đường kính ngoài: 154.6 mm (6.09 inch) Đường kính trong: 88.3 mm (3.48 inch) Chiều cao: 381 mm (15.00 inch)	61-2501	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
10	Lọc gió trong	Đường kính ngoài: 234.1 mm Đường kính trong: 123 mm Chiều cao: 381 mm	61-2502	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
11	Nhớt động cơ (20 lít/xô)	Shell Helix HX5 Diesel 15W-40		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	20
12	Nhớt thủy lực (200 lít/phuy)	Cat Hydo Advanced 10		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	48
13	Nhớt hộp số	Cat TDTO SAE 30		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	148
14	Nhớt cầu xe	Cat TDTO SAE 30		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	10
15	Nhớt bộ truyền động	Cat TDTO SAE 30		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	13,5
16	Hệ thống nước làm mát				Kiểm tra -thay thế	Hệ thống	1
17	Hệ thống đường ống thủy lực				Kiểm tra -thay thế	Hệ thống	1
18	Hệ thống gầu xúc				Kiểm tra -thay thế	Bộ	1

19	Kiểm tra bảo dưỡng động cơ						Kiểm tra	Bộ	1
20	Kiểm tra bảo dưỡng hệ thống côn						Kiểm tra	Bộ	1
21	Vệ sinh bảo dưỡng toàn bộ hệ thống máy nóng lạnh , phục hồi lốc lạnh, nạp ga mới						Kiểm tra	Bộ	1
22	Phục hồi cân chỉnh bộ ly hợp						Kiểm tra	Bộ	1
23	Kiểm tra phục hồi hệ thống phanh						Kiểm tra	Bộ	1
24	Công tháo ráp làm hoàn chỉnh							lần	1
3	Xe đào Hyundai - R480LC 9S (29A-2264) (MÁY XÚC)								
1	Lọc dầu động cơ			Đường kính ngoài: 84 mm Đường kính trong: 29 mm Chiều cao: 129 mm Hiệu quả: 50%: 18.17 micron Hiệu quả Beta 75: 39.37 micron	11NB-70110AS	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
2	Lọc tinh nhiên liệu			Đường kính ngoài: 93 mm (3,66 inch) Kích thước ren : M20 x 1,5 Chiều dài : 192,9 mm (7,59 inch) Vòng đệm OD : 72 mm (2,83 inch) ID đệm : 62 mm (2,44 inch) Hiệu suất 99% : 5 micron	11NB-70010SE	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
3	Lọc tách nước			Đường kính ngoài: 56 mm Đường kính trong: 25.4 mm Chiều dài: 118 mm	11NA-72011SE	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
4	Lọc nước làm mát			Part No: 11NB-70210 Hyundai	11NB-70210AS	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
5	Lọc xả thủy lực			Đường kính ngoài: 150 mm (5,91 inch) Đường kính bên trong: 85 mm (3,35 inch) Tổng chiều dài :452,7 mm (17,82 inch) Hiệu quả Beta :2 9 micron Hiệu quả Beta :20 15 micron Hiệu quả Beta :1000 26 micron	31K6-01320ED	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
6	Lọc điều khiển			Đường kính ngoài: 43 mm Đường kính trong: 22 mm Chiều dài: 84 mm	31Q6-20340P	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1

7	Lọc thông hơi thùng thủy lực	Đường kính ngoài: 55 MM (2.17 Inches) Đường kính trong: 22 MM (0.87 Inches) Chiều dài: 31 MM (1.22 Inches)	31EH-00480AS	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
8	Lọc hồi thủy lực	Đường kính ngoài: 120 mm Đường kính trong: 76 mm Dài: 223 mm Độ tinh lọc: 9 Micoron	31RF-10400	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
9	Lọc điều hòa trong	Đường kính ngoài: 275.7 mm (10.85 inch) Đường kính trong: 165.1 mm (6.50 inch) Chiều dài: 481.3 mm (18.95 inch) Chiều dài tổng thể 494 mm (19.45 inch) Đường kính lỗ bulong: 16.76 mm (0.66 inch)	11N6-90770	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
10	Lọc điều hòa ngoài	Chiều dài: 242mm Chiều rộng: 200mm Chiều dày: 20mm	11Q6-90510	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
11	Bộ lọc gió trong và ngoài	Đường kính ngoài: 201.6 mm (7.94 inch) Đường kính trong: 134 mm (5.28 inch) Chiều dài: 490 mm (19.29 inch) Hiệu quả: 99.95	11Q8-20130-ASK	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
12	Nhớt động cơ (20 lít/xô)	Shell Helix HX5 Diesel 15W-40		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	38
13	Dầu thủy lực (Dung tích bình là 280 lít- châm hao hụt 30%)	Shell Tellus S2 MX 68		EU/G7/OECD/ ASEAN	Kiểm tra, châm bổ sung	Lít	84
14	Dầu hộp giảm tốc quay toa	Mobilube HD 80W-90		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	10
15	Dầu hộp giảm tốc di chuyển	Mobilube HD 80W-90		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	12
16	Hệ thống nước làm mát				Kiểm tra -thay thế	Hệ thống	1
17	Làm gầu				Kiểm tra -thay thế	Bộ	2
18	Phục hồi cân chỉnh bộ điều áp ben				Kiểm tra	Bộ	1
19	Kiểm tra phục hồi dây điện, rơle				Kiểm tra	Bộ	1
20	Kiểm tra phục hồi hệ thống chân chạy				Kiểm tra	Bộ	1

21	Kiểm tra bảo dưỡng hệ thống thủy lực					Thay thế	Bộ	1
22	Vệ sinh kết nối bộ tản nhiệt ,máy lạnh,phục lọc lạnh					Thay thế	Bộ	1
23	Công tháo ráp làm hoàn chỉnh					Thay thế	Lít	20
24	Cung cấp và thay mới Răng gầu					Kiểm tra -thay thế	Bộ	1
25	Kiểm tra Hệ thống đường ống thủy lực					Kiểm tra -thay thế	Hệ thống	1
4	Xe tải Forland Thaco FD500 (95C-056 46)							
1	Lọc nhiên liệu thô	Cao : 149mm Ngang : 84mm Đường Kính Lỗ Ren: 18.5mm Kích Thước Sin: 55-72mm Đường Kính Ren Vặn: M20x1.5mm	11170257 200000W	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1	
2	Lọc gió ngoài	Đường kính ngoài:128mm Đường kính trong:66mm Chiều cao:170mm Lỗ bulong:13mm	1109060L	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1	
3	Lọc gió trong	Đường kính ngoài:128mm Đường kính trong:66mm Chiều cao:170mm Lỗ bulong:13mm	1109060L	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1	
4	Lọc thông hơi	Đường kính ngoài:197mm Đường kính trong:113mm Chiều cao:365mm	1117011B 810000	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1	
5	Lọc động cơ	Cao : 149mm Ngang : 84mm Đường Kính Lỗ Ren: 18.5mm Kích Thước Sin: 55-72mm Đường Kính Ren Vặn: M20x1.5mm	102101A0 20000	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1	
6	Nhớt động cơ	Shell Helix HX5 Diesel 15W-40		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	8	
7	Nhớt thủy lực	Shell Tellus S2 MX 46		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	25	
8	Nhớt hộp số	Mobilube HD 80W-90		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	6	
9	Bộ truyền động	Mobilube HD 80W-90		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	6	
10	Kiểm tra Động cơ				Kiểm tra	Bộ	1	

11	Hệ thống côn					Kiểm tra	Bộ	1	
12	Hệ thống lạnh					Kiểm tra	Bộ	1	
13	Hệ thống phanh					Kiểm tra	Bộ	1	
14	Cung cấp và thay mới Mỡ bịt đạn bánh					Thay thế	Bộ	1	
15	Kiểm tra Bình ắc quy					Kiểm tra	Cái	2	
16	Hệ thống nước làm mát					Kiểm tra -thay thế	Hệ thống	1	
17	Kiểm tra Lốp xe					Kiểm tra -thay thế	Cái	4	
18	Kiểm tra Hệ thống đường ống thủy lực					Kiểm tra	Hệ thống	1	
19	Công tháo ráp làm hoàn chỉnh						lần	1	
5	Xe xúc lật ZW120 (87LA-0097) (HITACHI)								
1	Lọc dầu động cơ		Đường kính ngoài Kích thước chủ đề Chiều dài Vòng đệm OD ID miếng đệm Hiệu quả 99%	76,8 mm (3,02 inch) M16x1.5 82,8 mm (3,26 inch) 70,2 mm (2,76 inch) 60,5 mm (2,38 inch) 16 micron	KBT1C02 032434	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
2	Lọc nhiên liệu		Đường kính ngoài: 3.03 Inch (77 MM) Kích thước ren: M16 x 1.5 Chiều dài: 4,02 inch (102 MM) Vòng đệm OD: 2,76 inch (70 MM) ID miếng đệm: 2,36 inch (60 MM) Hiệu quả 99%: 15 MICRON		KBT1K01 143062	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
3	Lọc không khí ngoài		Đường kính ngoài: 5,44 inch (138,2 MM) Đường kính bên trong: 3,20 inch (81,3 MM) Chiều dài: 12,67 inch (321,8 MM)		263A2370 11	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
4	Lọc không khí trong		Đường kính ngoài: 300 mm Đường kính trong: 200 mm Chiều dài: 463 mm Hiệu suất: 475.5 mm		263A2370 01	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
5	Lọc hồi thủy lực		Kích thước sản phẩm: 150*450mm Khối lượng: 2,424 kg Chất liệu: Nhựa, giấy		4225846	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1

6	Lọc dầu thủy lực điều khiển	Đường kính ngoài : 97 mm (3,82 inch) Kích thước chủ đề : M24 x 1,5 Chiều dài : 181 mm (7,13 inch) Hiệu quả Beta 1000 : 44 micron	4630525	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
7	Lọc thủy lực	Đường kính ngoài : 97 mm (3,82 inch) Kích thước chủ đề : 16/13-16 LHQ Chiều dài : 151,64 mm (5,97 inch) Vòng đệm OD : 70,15 mm (2,76 inch) ID miếng đệm : 63 mm (2,48 inch)	4437838	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
8	Nhớt động cơ	Shell Helix HX5 Diesel 15W-40		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	19
9	Nhớt thủy lực	Daphne Super Hydro 46A		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	80
10	Nhớt hộp số	Total Dynatrans MPV API GL-4		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	10
11	Nhớt cầu xe	Mobilube HD 80W-90		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	30
12	Lưỡi lam gầu xúc				Kiểm tra - thay thế	Bộ	1
13	Kiểm tra bảo dưỡng động cơ				Kiểm tra	Bộ	1
14	Kiểm tra Bình ắc quy				Kiểm tra	Cái	2
15	Hệ thống nước làm mát				Kiểm tra - thay thế	Hệ thống	1
16	Phục hồi cân chỉnh bộ điều áp ben				Kiểm tra	Bộ	1
17	Vệ sinh kết nối bộ tản nhiệt, máy lạnh, phục lọc lạnh				Kiểm tra	Bộ	1
18	Làm gầu				Kiểm tra	Bộ	1
19	Kiểm tra Hệ thống đường ống thủy lực				Kiểm tra	Hệ thống	1
20	Công tháo ráp làm hoàn chỉnh					lần	1
6	Xe xúc lật T590 (N/A) (Bobcat)						
1	Lọc dầu bôi trơn cho động cơ đốt trong	6675517; NSX: Bobcat	6675517	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1

2	Lọc nhiên liệu	Đường kính ngoài : 77,1 mm (3,04 inch) Kích thước chủ đề : M16x1.5 Chiều dài : 147,6 mm (5,81 inch) Vòng đệm OD : 70,2 mm (2,76 inch) ID miếng đệm : 60,5 mm (2,38 inch) Hiệu quả 99% : 15 micron	6667352	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
3	Lọc gió (bên ngoài)	Kích thước sản phẩm: 128,6*313mm Khối lượng: 0.49kg Thể tích: Chất liệu:Nhựa, Thép	6666375	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
4	Lọc gió (bên trong)	Đường kính ngoài 351.6 mm (13.84 inch) Đường kính trong: 240.5 mm (9.47 inch) Chiều dài: 457.2 mm (18.00 inch)	6666376	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
5	Lọc dầu mô tô cánh quạt	Part No: 7319444, NSX: cat	7319444	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
6	Lọc thủy lực dầu hồi	Đường kính ngoài 90 mm Đường kính trong: 49 mm Chiều dài: 344 mm Hiệu suất: 360 mm	7414581	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
7	Lọc gió ngoài điều hòa	Chiều dài: 303 mm Chiều rộng: 199 mm Chiều dày: 19 mm	7176099	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
8	Lọc khí	Đường kính ngoài :162,4 mm (6,39 inch) Đường kính trong :134,3 mm (5,29 inch) Chiều dài :82,6 mm (19,00 inch) Kiểm tra hiệu quả :Std ISO 5011 Ứng dụng chính :CLARK 1991853	7193354	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
9	Lỗ thở bình dầu thủy lực	Part No: 6727475, NSX: Cat	6727475	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
10	Nhớt động cơ	Shell Helix HX5 Diesel 15W-40		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	
11	Nhớt thủy lực	Shell Tellus S2 MX 46		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	
12	Nhớt hộp số	Cat TDTO SAE 30		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	
13	Dây curoa bơm thủy lực	Dài :64 inch Rộng: 1,16 inch	7146391	EU/G7/OECD/ ASEAN	Kiểm tra -thay thế	Cái	1

14	Dây curoa máy phát điện	Chiều dài 43,65 inch	7143498	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	20
15	Dây cu roa điều hòa S570	Chiều rộng: 1/2 inch Chiều dài: 36,9	6625298	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	12
16	Hệ thống nước làm mát				Kiểm tra -thay thế	Hệ thống	1
17	Kiểm tra bảo dưỡng động cơ				Kiểm tra	Bộ	1
18	Phục hồi cân chỉnh bộ điều áp ben				Kiểm tra	Bộ	1
19	Kiểm tra phục hồi hệ thống phanh				Kiểm tra	Bộ	1
20	Vệ sinh két nóng bộ tản nhiệt ,máy lạnh,phục lọc lạnh				Kiểm tra	Bộ	1
21	Làm gầu xúc				Kiểm tra	Bộ	1
22	Công tháo ráp làm hoàn chỉnh				Kiểm tra	Bộ	1
23	Kiểm tra Hệ thống lạnh				Kiểm tra	Bộ	1
24	Cung cấp và thay mới Lam gầu				Kiểm tra -thay thế	Bộ	1
25	Kiểm tra Hệ thống phanh				Kiểm tra	Bộ	1
26	Kiểm tra Bình ác quy				Kiểm tra	Cái	2
27	Kiểm tra Hệ thống đường ống thủy lực				Kiểm tra	Hệ thống	1
7	Xe cẩu bánh lốp (95H 004.62) (XCMG)						
1	Lọc nhiên liệu thô	Đường kính ngoài: 94 mm Đường kính trong: 24 mm Chiều dài: 155 mm	D17-002- 02+B	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	1
2	Lọc gió ngoài	Đường kính ngoài: 281,8 mm Đường Kính trong : 170,8 mm Chiều dài : 304,8 mm OD nhỏ : 13,5 mm Hiệu quả : 99,9	KW2540/ AF26557	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
3	Lọc gió trong	Đường kính ngoài :327,3 mm Đường kính trong :215,7 mm Chiều dài : 604 mm Chiều dài tổng thể : 616,7 mm Đường kính lỗ bu lông: 10,5 mm Hiệu suất: 99,9	KW2540/ AF26558	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	1
4	Lọc động cơ	Đường kính ngoài: 83 mm Đường kính trong :39 mm Chiều dài :150.4 mm Hiệu suất: 99% 21 micron	D6380029 03	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1

5	Lọc thủy lực	Đường kính ngoài: 114 mm Đường kính trong: 72 mm Chiều dài: 275 mm	8,03E+08	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
6	Nhớt động cơ	Shell Helix HX5 Diesel 15W-40		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	26
7	Nhớt hộp số	Mobilube HD 80W-90		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	13
8	Nhớt bánh răng trực trước	Mobilube HD 80W-90		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	16,2
9	Nhớt bánh răng trực sau	Mobilube HD 80W-90		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	13,7
10	Bình dầu thiết bị lái	Shell Tellus S2 MX 46		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	6,6
11	Dầu thắng	Brake and Clutch Fluid DOT 3		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	1
12	Hệ thống thủy lực (Dung tích bình là 100 lít- châm hao hụt 30%)	Shell Tellus S2 MX 46		EU/G7/OECD/ ASEAN	Kiểm tra, châm bổ sung	Lít	30
13	Dầu bánh răng tời phụ	Mobilube HD 80W-90		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	1,5
14	Dầu bánh răng tời chính	Mobilube HD 80W-90		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	1,5
15	Phục hồi hệ thống thủy lực				Kiểm tra	Cái	1
16	Hệ thống nước làm mát				Kiểm tra -thay thế	Hệ thống	1
17	Bơm thủy lực				Thay thế	Cái	1
18	Kiểm tra Bình ắc quy				Kiểm tra	Cái	2
19	Lốp xe cầu				Thay thế	cái	2
20	Kiểm tra Hệ thống đường ống thủy lực				Kiểm tra	Hệ thống	1
21	Công tháo ráp làm hoàn chỉnh					lần	1
8	Xe nâng 10 Tấn (87LA-0095) DP100NH (CAT)						
1	Lọc động cơ	Đường kính ngoài vòng sin : 99 mm Đường kính trong vòng sin: 88 mm Đường kính ngoài cùng: 102 mm Tiêu chuẩn ren: I-12UN	20801- 01441	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
2	Lọc nhiên liệu tinh	Đường kính ngoài vòng sin : 73 mm Đường kính trong vòng sin: 56 mm Đường kính ngoài cùng: 99 mm Tiêu chuẩn ren:M20x1.5	Z-8- 98036- 654-0	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1

11	Kiểm tra bảo dưỡng, phục hồi động cơ						Kiểm tra	Bộ	1
12	Khắc phục lỗi điện, phục hồi day điện						Kiểm tra	Bộ	1
13	Kiểm tra Bình ắc quy						Kiểm tra	Cái	2
14	Hệ thống nước làm mát						Kiểm tra -thay thế	Hệ thống	1
15	Cung cấp và thay mới Lam gầu						Kiểm tra -thay thế	Bộ	1
16	Kiểm tra Hệ thống đường ống thủy lực						Kiểm tra -thay thế	Hệ thống	1
10	Xe Tải Forland FD990 (29K-103.72) (THACO)								
1	Lọc nhiên liệu thô		Cao : 149mm Ngang : 84mm Đường Kính Lỗ Ren: 18.5mm Kích Thước Sin: 55-72mm Đường Kính Ren Vặn: M20x1.5mm		11170257 20000W	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
2	Lọc gió ngoài		Đường kính ngoài:128mm Đường kính trong:66mm Chiều cao:170mm Lỗ bulong:13mm		1109060L	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
3	Lọc gió trong		Đường kính ngoài:128mm Đường kính trong:66mm Chiều cao:170mm Lỗ bulong:13mm		1109060L	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
4	Lọc thông hơi		Đường kính ngoài:197mm Đường kính trong:113mm Chiều cao:365mm		1117011B 810000	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
5	Lọc động cơ		Cao : 149mm Ngang : 84mm Đường Kính Lỗ Ren: 18.5mm Kích Thước Sin: 55-72mm Đường Kính Ren Vặn: M20x1.5mm		102101A0 20000	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
6	Nhớt động cơ		Shell Helix HX5 Diesel 15W-40			EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	8
7	Nhớt thủy lực		Shell Tellus S2 MX 46			EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	25
8	Nhớt hộp số		Mobilube HD 80W-90			EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	6

9	Bộ truyền động	Mobilube HD 80W-90		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	6
10	Kiểm tra Động cơ				Kiểm tra	Bộ	1
11	Hệ thống côn				Kiểm tra	Bộ	1
12	Hệ thống lạnh				Kiểm tra	Bộ	1
13	Hệ thống phanh				Kiểm tra	Bộ	1
14	Cung cấp và thay mới Mỡ bột đạn bánh				Thay thế	Bộ	1
15	Kiểm tra Bình ắc quy				Kiểm tra	Cái	2
16	Hệ thống nước làm mát				Kiểm tra -thay thế	Hệ thống	1
17	Kiểm tra Lốp xe				Kiểm tra -thay thế	Cái	4
18	Kiểm tra Hệ thống đường ống thủy lực				Kiểm tra	Hệ thống lần	1
19	Công tháo ráp làm hoàn chỉnh						1
11	Xe Tải Forland FD990 (29K- 104-59) (THACO)						
1	Lọc nhiên liệu thô	Cao : 149mm Ngang : 84mm Đường Kính Lỗ Ren: 18.5mm Kích Thước Sin: 55-72mm Đường Kính Ren Vặn: M20x1.5mm	11170257 20000W	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
2	Lọc gió ngoài	Đường kính ngoài:128mm Đường kính trong:66mm Chiều cao:170mm Lỗ bulong:13mm	1109060L	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
3	Lọc gió trong	Đường kính ngoài:128mm Đường kính trong:66mm Chiều cao:170mm Lỗ bulong:13mm	1109060L	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
4	Lọc thông hơi	Đường kính ngoài:197mm Đường kính trong:113mm Chiều cao:365mm	1117011B 810000	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
5	Lọc động cơ	Cao : 149mm Ngang : 84mm Đường Kính Lỗ Ren: 18.5mm Kích Thước Sin: 55-72mm Đường Kính Ren Vặn: M20x1.5mm	102101A0 20000	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
6	Nhớt động cơ	Shell Helix HX5 Diesel 15W-40		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	8

7	Nhớt thủy lực	Shell Tellus S2 MX 46		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	25
8	Nhớt hộp số	Mobilube HD 80W-90		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	6
9	Bộ truyền động	Mobilube HD 80W-90		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	6
10	Kiểm tra Động cơ				Kiểm tra	Bộ	1
11	Hệ thống côn				Kiểm tra	Bộ	1
12	Hệ thống lạnh				Kiểm tra	Bộ	1
13	Hệ thống phanh				Kiểm tra	Bộ	1
14	Cung cấp và thay mới Mỡ bôi trơn bánh				Thay thế	Bộ	1
15	Bình ắc quy				Kiểm tra	Cái	2
16	Hệ thống nước làm mát				Kiểm tra - thay thế	Hệ thống	1
17	Kiểm tra Lốp xe				Kiểm tra - thay thế	Cái	4
18	Kiểm tra Hệ thống đường ống thủy lực				Kiểm tra	Hệ thống	1
19	Công tháo ráp làm hoàn chỉnh					lần	1
12	Xe xúc lật RongWei (N/A) : Rong Wei- ZL926X						
1	Lọc dầu động cơ	Đường kính ngoài: 3,66 inch (93 MM) Kích thước ren: 3 / 4-16 UN Chiều dài: 3,66 inch (93 MM) Vòng đệm OD: 2,83 inch (72 MM) ID miếng đệm: 2,44 inch (62 MM) Hiệu quả 99%: 17 MICRON	KBT1C02 032434	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
2	Lọc nhiên liệu	Đường kính ngoài: 158mm Đường kính trong: 108mm	KBT1K01 143062	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
3	Lọc không khí ngoài	Đường kính ngoài: 140mm Chiều dài: 320mm	263A2370 11	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
4	Lọc không khí trong	Đường kính ngoài: 142.3 mm (5.60 inch) Đường kính trong: 109.6 mm (4.31 inch) Chiều dài: 411 mm (16.18 inch)	263A2370 01	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
5	Lọc hồi thủy lực	Đường kính ngoài: 460mm Đường kính trong: 112mm Chất liệu : nhựa	4225846	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1

6	Lọc dầu thủy lực điều khiển	Đường kính trong: 46.5 mm Đường kính ngoài: 15.5 mm Chiều dài: 76 mm	4630525	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
7	Lọc thủy lực	Chiều cao tổng thể: 204 mm Đường kính ngoài đường: 84 mm Bên trong kính đường: 35 mm	4437838	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
8	Bình acquy	Dung lượng: 12V/65AH Trọng lượng: 20.9 kg Kích thước (LxWxH): 350x167x179 mm		EU/G7/OECD/ ASEAN	Kiểm tra -thay thế	Cái	2
9	Nhớt động cơ (20 lít/xô)	Shell Helix HX5 Diesel 15W-40		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	19
10	Nhớt thủy lực (200 lít/phuy)	Shell Tellus S2 MX 46		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	180
11	Nhớt hộp số cầu	Mobilube HD 80W-90		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	13
12	Nhớt hộp số đa cấp	Mobilube HD 80W-90		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	23
13	Lam gầu xúc				Kiểm tra	Cái	1
14	Kiểm tra bảo dưỡng hệ thống thủy lực				Kiểm tra	Bộ	1
15	Phục hồi cân chỉnh bộ điều áp ben				Kiểm tra	Bộ	1
16	Hệ thống nước làm mát				Kiểm tra -thay thế	Hệ thống	1
17	Kiểm tra phục hồi hệ thống phanh				Kiểm tra	Bộ	1
18	Kiểm tra phục hồi hệ thống dây điện ,rôlê				Thay thế	Bộ	1
19	Kiểm tra Lốp xe				Kiểm tra -thay thế	Cái	4
20	Kiểm tra Hệ thống đường ống thủy lực				Kiểm tra	Hệ thống	1
13	Xe nâng điện 1.7 tấn (87-LA-0085) : CATERPILLAR EP18CB						
1	Nhớt thủy lực	Shell Tellus S2 MX 46			Thay thế	Lít	20
2	Mỡ bánh xe	Cấp NLGL:2 Chất làm đặc:Lithium Màu sắc: Nâu Độ xuyên kim ở 25 độ:280			Thay thế	Hộp	1
3	Dầu hệ thống lái	Shell Tellus S2 MX 46			Thay thế	Lít	5
4	Mỡ xilanh	Cấp NLGL:2 Chất làm đặc:Lithium Màu sắc: Nâu Độ xuyên kim ở 25 độ:280			Thay thế	Hộp	1

5	Mỡ phanh	Cấp NLGL:2 Chất làm đặc:Lithium Màu sắc: Nâu Độ xuyên kim ở 25 độ:280				Thay thế	Hộp	1
6	Lốp xe					Kiểm tra -thay thế	Cái	2
7	Kiểm tra Hệ thống đường ống thủy lực					Kiểm tra	Hệ thống	1
14	Máy ủi SEM (29CD-02701)							
1	Lọc hộp số	548-7514	548-7514	548-7514	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
2	Lọc dầu động cơ	540-2611	540-2611	540-2611	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
3	Lọc nhiên liệu tinh	565-1153	565-1153	565-1153	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
4	Lọc nhiên liệu tách nước	565-1154	565-1154	565-1154	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
5	Lọc hồi thủy lực	587-8467	587-8467	587-8467	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
6	Bộ lọc khí động cơ	518-4406	518-4406	518-4406	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
7	Nhớt động cơ (20 lít/xô)	Shell Helix HX5 Diesel 15W-40			EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	24
8	Nhớt thủy lực (200 lít/phuy)	Cat Hydo Advanced 30			EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	160
9	Nhớt hộp số	Cat TDTO SAE 30			EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	48
10	Nhớt cầu xe	Cat TDTO SAE 30			EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	10
11	Nhớt bộ truyền động	Cat TDTO SAE 50			EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	13,5
12	Hệ thống đường ống thủy lực				EU/G7/OECD/ ASEAN	Kiểm tra -thay thế	Hệ thống	1
13	Bình ác quy				EU/G7/OECD/ ASEAN	Kiểm tra	Cái	2
14	Bộ căng xích					Kiểm tra	Bộ	1
15	Hệ thống gầu xúc					Kiểm tra -thay thế	Bộ	1
16	Hệ thống nước làm mát					Kiểm tra -thay thế	Hệ thống	1

17	Kiểm tra bảo dưỡng động cơ						Kiểm tra	Bộ	1
18	Kiểm tra bảo dưỡng hệ thống côn						Kiểm tra	Bộ	1
19	Phục hồi cân chỉnh bộ ly hợp						Kiểm tra	Bộ	1
20	Kiểm tra phục hồi hệ thống phanh						Kiểm tra	Bộ	1
21	Công tháo ráp làm hoàn chỉnh							lần	1
15	Máy cước Cat kho 2 (29CD-02779)								
1	Lọc nhiên liệu thô	523-4987	523-4987	523-4987	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1	
2	Lọc nhiên liệu tinh	509-5694	509-5694	509-5694	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1	
3	Lọc dầu động cơ	322-3155	322-3155	322-3155	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1	
4	Lọc xả thủy lực	491-6075	491-6075	491-6075	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1	
5	Thông hơi thùng thủy lực	522-1451	522-1451	522-1451	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1	
6	Lọc gió thô	479-8989	479-8989	479-8989	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1	
7	Lọc gió tinh	479-8991	479-8991	479-8991	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1	
8	Lọc thủy lực	590-9787	590-9787	590-9787	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1	
9	Nhớt động cơ	Cat DEO 15W-40			EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	25	
10	Nhớt quay toa	Cat TDTO SAE 50			EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	11,5	
11	Nhớt truyền động cuối	Cat TDTO SAE 50			EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	9	
12	Nhớt thủy lực	Cat Hydo Advanced 10			EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	147	
13	Hệ thống côn				EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Bộ	1	
14	Hệ thống lạnh				EU/G7/OECD/ ASEAN	Kiểm tra	Bộ	1	
15	Hệ thống nước làm mát				EU/G7/OECD/ ASEAN	Kiểm tra -thay thế	Bộ	1	
16	Hệ thống phanh				EU/G7/OECD/ ASEAN	Kiểm tra	Bộ	1	

17	Kiểm tra Bình ắc quy				EU/G7/OECD/ ASEAN	Kiểm tra -thay thế	Cái	2
18	Cung cấp và thay mới Răng gầu				EU/G7/OECD/ ASEAN	Kiểm tra -thay thế	Bộ	1
19	Kiểm tra Hệ thống đường ống thủy lực				EU/G7/OECD/ ASEAN	Kiểm tra	Hệ thống	1
17	Xe Nâng người Genie Z-60 DC							
1	Lọc thủy lực	Type: 1310714; lõi lọc: 60857		60857	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
2	Dầu hệ thống lái	Shell Tellus S2 MX 46			EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Hộp	1
3	Moay-ơ truyền động	Mobilube HD 80W-90			EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	2
4	Nhớt thủy lực	Shell Tellus S2 MX 46			EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	68
5	Hệ thống đường ống thủy lực				EU/G7/OECD/ ASEAN	Kiểm tra	Hệ thống	1
18	Xe Cầu 3 Tấn							
1	Lọc dầu động cơ	P582127		P582127	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	1
2	Lọc gió	P634614		P634614	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
3	Lọc nhiên liệu thô	wcf403 wesfil fuel filter fits hino 300 series trucks		wcf403 wesfil fuel filter fits hino 300 series trucks	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
4	Lọc nhiên liệu tinh	FF-1254		FF-1254	EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	1
5	Nhớt thủy lực	Shell Tellus S2 MX 46			EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	54
6	Nhớt động cơ	Shell Helix HX5 Diesel 15W-40			EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	7,6
7	Nhớt hộp số/ cầu xe	Mobilube HD 80W-90			EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	8,7

8	Mỡ vòng bi		Mobilux EP 2		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Lít	5
9	Nhớt thủy lực cần trục sau		Shell Tellus S2 MX 46		EU/G7/OECD/ ASEAN	Thay thế	Cái	3
10	Dầu bánh răng bộ giảm tốc tời		Mobil Gear 600 XP 320		EU/G7/OECD/ ASEAN	Kiểm tra	Lít	1
11	Dầu bánh răng bộ giảm tốc quay		Mobil Gear 600 XP 320		EU/G7/OECD/ ASEAN	Kiểm tra	Lít	0,65
12	Kiểm tra Động cơ					Kiểm tra	Bộ	1
13	Hệ thống côn					Kiểm tra	Bộ	1
14	Hệ thống lạnh					Kiểm tra	Bộ	1
15	Hệ thống phanh					Kiểm tra	Bộ	1
16	Hệ thống nước làm mát				EU/G7/OECD/ ASEAN	Kiểm tra -thay thế	Bộ	1
17	Cung cấp và thay mới Mỡ gạt dạn bánh					Thay thế	Bộ	1
18	Bình ắc quy					Kiểm tra	Cái	2
19	Kiểm tra Lốp xe					Kiểm tra -thay thế	Cái	4
20	Kiểm tra Hệ thống đường ống thủy lực					Kiểm tra	Hệ thống	1
21	Công tháo ráp làm hoàn chỉnh						lần	1

Note:

- Thay thế: là công tác thay mới theo lịch BDSC xe
- Kiểm tra: là công tác kiểm tra, hiệu chỉnh, sửa chữa phục hồi.
- Kiểm tra - thay thế: là công tác kiểm tra, nếu phát hiện ra hư hỏng, nhà thầu đề xuất đến Nhà máy danh mục các bộ phận cần thay thế.
- Kiểm tra - châm bổ sung: là công tác kiểm tra, và châm bổ sung lượng nhớt hao hụt cần thiết dựa trên thực tế kiểm tra để đảm bảo xe vận hành an toàn.
- Thuế VAT tạm tính trong báo giá 10%.

2. Yêu cầu khác

- Tất cả các hàng hóa do nhà thầu cung cấp cho gói thầu phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng, năm sản xuất từ 2024 trở đi và còn thời hạn sử dụng tối thiểu 02 năm hoặc theo khuyến cáo của Nhà sản xuất từ ngày bàn giao hàng hóa.

Hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ, hãng sản xuất rõ ràng.

- Đối với hàng hóa nhập khẩu thì Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ CO, CQ/COA (bản gốc hoặc bản photocopy chứng hoặc bản điện từ Chủ đầu tư tra cứu được trên hệ thống) hoặc tài liệu khác có tính chất tương tự, tờ khai hải quan của hàng hóa trong trường hợp nhà thầu là đơn vị nhập khẩu trực tiếp (nếu có yêu cầu) (áp dụng đối với các mục có yêu cầu về chứng từ tại bảng danh mục hàng hóa và biểu giá Hợp đồng).

- Đối với hàng hóa trong nước thì Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ CQ hoặc phiếu xuất xưởng bản gốc của hàng hóa đạt yêu cầu hoặc tài liệu khác có tính chất tương tự (áp dụng đối với các mục có yêu cầu về chứng từ tại bảng danh mục hàng hóa và biểu giá Hợp đồng).

- Đối với các mục không có yêu cầu về chứng từ tại bảng danh mục hàng hóa và biểu giá Hợp đồng: Trong trường hợp không cấp được CO, CQ/COA, Nhà thầu phải có cam kết về chất lượng, xuất xứ, cam kết bảo hành.

3. Bảo hành của hàng hóa:

- Thời gian bảo hành của dịch vụ, hàng hóa: tối thiểu 06 tháng hoặc 10.000km hoặc 1000h vận hành tùy theo điều kiện nào tối trước kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu hàng hóa đạt yêu cầu.

- Trong thời gian bảo hành, nhà thầu có trách nhiệm tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật phát sinh chậm nhất 03 ngày sau khi nhận được thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong khoảng thời gian được Bên mời thầu quy định, Bên mời thầu có thể thuê tổ chức khác để khắc phục hư hỏng, khuyết tật phát sinh và nhà thầu phải hoàn trả lại chi phí cho Bên mời thầu. Trong trường hợp phải sửa chữa khắc phục thì thời gian bảo hành được tính thêm bằng thời gian sửa chữa; trong trường hợp phải thay thế mới thì thời gian bảo hành được tính lại từ đầu.

4. Địa điểm thực hiện công tác sửa chữa:

- NMNĐ Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

5. Đóng gói, vận chuyển

- Nhà thầu chịu mọi chi phí liên quan đến việc đóng gói hàng hoá theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất và bàn giao hàng hóa tại kho của Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Việc đóng gói, đánh dấu và trình bày bên trong và bên ngoài kiện hàng phải tuân thủ chặt chẽ những yêu cầu cụ thể đã được quy định trong hợp đồng và theo bất cứ hướng dẫn nào mà nhà chế tạo đã đưa ra.

- Nhà thầu chịu mọi trách nhiệm trong quá trình vận chuyển Hàng hóa đến địa điểm giao hàng. Hàng hóa giao đến phải còn nguyên vẹn, tem mác rõ ràng, không móp méo. Mọi hư hại, thất thoát và sự cố trong quá trình vận chuyển nhà thầu phải chịu trách nhiệm và chịu mọi chi phí khắc phục, sửa chữa, thay thế và các chi phí khác liên quan theo quy định pháp luật.

- Nhà thầu phải có đầy đủ phương tiện, quy trình, biện pháp an toàn cho người, thiết bị và tự chịu mọi trách nhiệm liên quan trong quá trình vận chuyển, bảo quản và giao nhận hàng hóa. Trường hợp do lỗi của nhà thầu làm thiệt hại tới sản xuất của Bên mời thầu thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi hoàn thiệt hại hoặc chịu trách nhiệm trước cơ quan chức năng, tùy theo mức độ thiệt hại gây nên (nếu có).

6. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện tổng thể: trong vòng 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

